

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM TÂN,
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22-3-2022

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngọc và bà Nguyễn Thị Lệ Thanh;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Trâm;

Ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 215/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 2 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐ-HNGĐ ngày 01/3/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị K**, sinh năm 1976 (*Có mặt*)

Địa chỉ: thôn H, xã T, huyện H, tỉnh B

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Hoàng P**, sinh năm: 1982 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: thôn H, xã T, huyện H, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 11 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Nguyên đơn bà Trần Thị K trình bày: Bà và ông P đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, trong quá trình chung sống bà và ông P thường xuyên bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về việc vợ chồng không có con, ông P thường xuyên nhậu nhẹt đánh đập bà. Hiện nay bà không còn tình cảm với ông P nữa, do đó bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngoài Tòa án ông P trình bày: Ông và bà K đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã T. Trong quá trình chung

sống, vợ chồng ông không xảy ra mâu thuẫn gì, tuy nhiên, bà K đã bỏ nhà đi theo người khác từ tháng 07/2020 đến nay, ông có đến quây phá để yêu cầu bà K quay về nhưng bà K không đồng ý. Nay bà K yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn vì ông còn thương vợ và ông là người theo đạo Thiên Chúa. Ông chỉ trình bày cho Tòa án được rõ và từ chối ký bất kỳ văn bản nào của Tòa án, cũng như từ chối đến Tòa án vì còn bận công việc.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định, bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K, bà Trần Thị K được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng P. Về con chung: Không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết. Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Trần Thị K khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng P nên quan hệ tranh chấp trong vụ án là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng P có nơi cư trú tại thôn H, xã T, huyện H, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Ông Nguyễn Hoàng P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, việc vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở

ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà K và ông P đăng ký kết hôn ngày 15/7/2015 tại UBND xã T, huyện H trên cơ sở tự nguyện. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Bà K trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn về do bất đồng quan điểm sống và hai vợ chồng không có con, ông P thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn và đánh đập bà, vợ chồng bà đã không sống chung với nhau được 1,5 năm. Tại phiên tòa bà K khẳng định không còn tình cảm với ông P nữa và kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông P.

Theo biên bản xác minh tại địa phương thể hiện không rõ mâu thuẫn giữa bà K và ông P là gì nhưng bà K và ông P không sống chung từ tháng 07/2020 đến nay.

Về phía bị đơn, ông P có trình bày lời khai nhưng không ký vào biên bản, lời khai thể hiện vợ chồng ông không có mâu thuẫn gì, ông chỉ có tật nhậu nhẹt nhưng vẫn lo làm ăn, bà K bỏ đi theo người khác từ tháng 07/2020 đến nay. Nay ông không đồng ý ly hôn với bà K vì ông còn tình cảm với bà K và bản thân ông là người theo đạo Thiên Chúa nên không thể ly hôn.

Những căn cứ nêu trên thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa bà K và ông P thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải chấp nhận cho bà K được ly hôn với ông P.

[2.2] Về con chung: Không có con chung nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị K đối với ông Nguyễn Hoàng P về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị K được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng P.

2. Về con chung: Không có con chung nên không xem xét giải quyết.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Án phí: Bà Trần Thị K phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006990 ngày 23/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân. Bà K đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Tân;
- Chi cục THADS huyện Hàm Tân;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Trang